

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2618/STNMT-CCBVMT ngày 24/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 3) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 3) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 877/BQL-QLDA ngày 22/11/2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1044/TTr-STNMT ngày 06/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 3) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ thành phố;
- UBND phường Nhơn Phú;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHU DÂN CƯ KHU VỰC NÚI MỒ CÔI, PHƯỜNG NHƠN PHÚ,
THÀNH PHỐ QUY NHƠN (GIAI ĐOẠN 3)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 3).

- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Quy Nhơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích: 133.735,6 m².

- Quy mô: 333 lô đất ở, khoảng 1.500 người.

1.3. Các hạng mục công trình chính: san nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 66.466,2 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt của các mương đất nội đồng xung quanh.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng

1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 - 3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 205 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 37,75 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 39,3 - 65,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi dự án phát sinh với tổng khối lượng khoảng 13.500 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 8.418 m³. Thành phần chủ yếu là bùn, đất,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 34,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.350 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 55 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân; việc thoát nước mưa, lũ và thoát nước kênh mương nội đồng.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải và được chia làm 02 lưu vực, cụ thể:

+ Lưu vực 1 (từ đường ĐS1 về biên phía Bắc Dự án): nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống bê tông ly tâm D600mm - D800mm nằm dọc các tuyến đường nội bộ, sau đó đầu nối vào cống bê tông ly tâm D1000mm, chiều dài 40 m xả ra cửa xả 1 phía Đông Bắc dự án (Tọa độ: 1.525.171; 600.783) và cống bê tông ly tâm D1500mm, chiều dài 40 m xả ra cửa xả 2 phía Bắc dự án (Tọa độ: 1.525.230; 600.649), thoát ra khu vực sông Hà Thanh.

+ Lưu vực 2 (từ đường ĐS1 về biên phía Nam Dự án): nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống bê tông ly tâm D600mm - D800mm nằm dọc các tuyến đường nội bộ sau đó đầu nối với 02 cống bê tông ly tâm D1000mm và D800mm thuộc khu dân cư khu vực núi Mồ Côi (giai đoạn 2).

+ Khu vực phía Tây Dự án bố trí cống bê tông ly tâm D1000mm và đầu nối vào hệ thống cống bê tông ly tâm D1000mm, chiều dài 85 m xả ra cửa xả 3 phía Bắc dự án (Tọa độ: 1.525.366; 600.449), sau đó thoát ra sông Hà Thanh, đảm bảo thoát nước tạm thời cho khu vực ruộng lúa hiện trạng; đồng thời, bố trí 02 cửa thu nước mưa dọc trục đường 30 m phía Tây dự án, làm điểm chờ thu gom nước mưa khi các dự án lân cận phía Tây.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu (Khi hạ tầng khung thoát nước thải tại khu vực được xây dựng, hoàn thành theo Quy hoạch 1/2000): nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng HDPE đường kính D160 mm đến D315 mm bố trí dọc tuyến đường giao thông nội bộ dẫn về bể tự hoại 5 ngăn tập trung có công suất 210 m³/ngày.đêm thuộc dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi (giai đoạn 2), sau đó thải ra hành lang thoát nước phía Nam (Theo Văn bản số 4181/UBND-ĐT ngày 02/12/2022 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc điều chỉnh bổ sung khối lượng xây dựng bể tự hoại 05 ngăn vào quy mô đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi, phường Nhơn Phú (giai đoạn 2)).

+ Về lâu dài, khi hạ tầng khung thoát nước thải tại khu vực được xây dựng, hoàn thành theo Quy hoạch 1/2000: bể tự hoại 5 ngăn tập trung thuộc dự án Khu dân cư khu vực núi Mồ Côi (giai đoạn 2) được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để đầu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của khu vực về Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình tiếp tục xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đổ vào khu vực quy hoạch trồng cây xanh có diện tích khoảng 8.801,2 m².

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ công trình hiện hữu và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu

ngủ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

b) Giai đoạn hoạt động

Bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 30 m² tại khu vực cây xanh phía Nam dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ Khu dân cư hiện trạng phía Đông dự án (KK1) (Tọa độ 1.525.068 ;600.807).

+ Khu dân cư phía Nam dự án (KK2) (Tọa độ 1.524.903; 600.396).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.